TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

# Tôn giáo né tránh phê phán như thế nào?

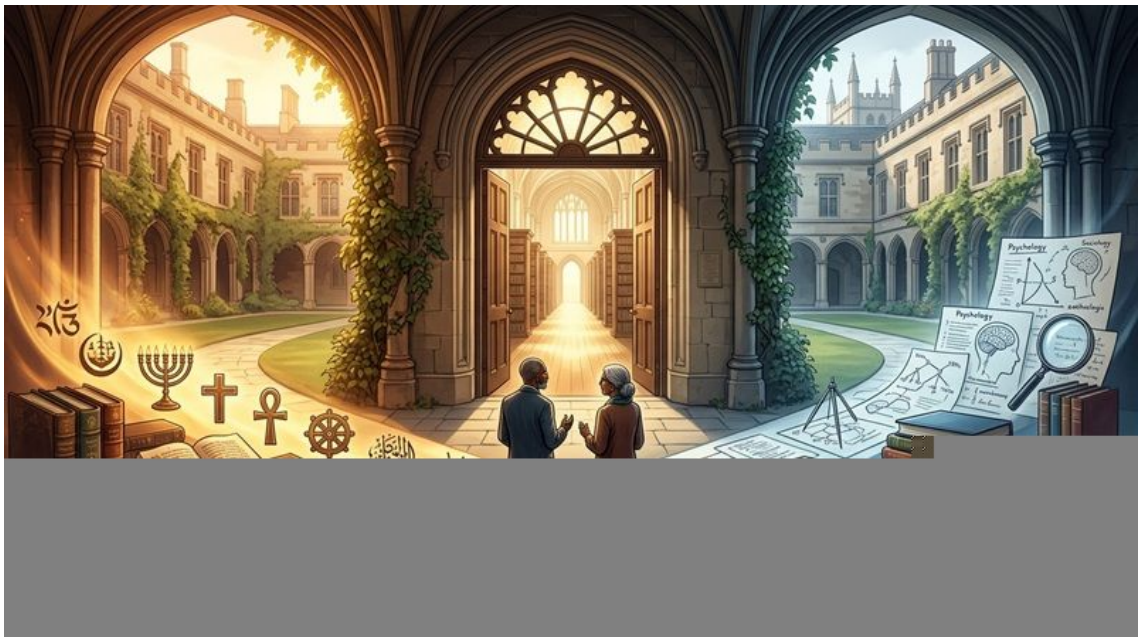
ISSN: 2734-9195 09:30 06/06/2026

Việc vận dụng tâm lý học, xã hội học hay lịch sử học có thể làm sáng tỏ nhiều khía cạnh của đời sống tôn giáo, song không nhất thiết loại trừ những chiều kích văn hóa, đạo đức và tâm linh mà con người trải nghiệm.

*Khi khoa học xã hội và tâm lý học được vận dụng để khảo sát các hiện tượng **tôn giáo**, đâu là ranh giới giữa nghiên cứu khách quan và sự thiên kiến đối với đức tin?*

*Bài viết của Jonathan Simmons góp thêm một góc nhìn vào cuộc tranh luận học thuật đang diễn ra về tự do tôn giáo, quyền phê bình và phương pháp nghiên cứu tôn giáo đương đại.*

*“Nhà tiên tri và nhà giải phẫu tâm lý: Stephen Kent, Massimo Introvigne và cuộc chiến vì một ngành nghiên cứu tôn giáo trung thực”.*




Cuộc tranh luận giữa tự do tôn giáo, nghiên cứu học thuật và quyền phê bình đang trở thành một chủ đề đáng chú ý trong lĩnh vực nghiên cứu tôn giáo đương đại.

Những người biện giáo tôn giáo (religious apologists) từ lâu đã sở hữu một "cẩm nang" quen thuộc để đối phó với các học giả dám tiến quá gần sự thật. Đó là cuốn sách nhỏ đã sờn gáy, được truyền tay qua nhiều thế hệ **tín đồ**, những người luôn cảm thấy ánh sáng phơi bày sự thật là thứ quá gay gắt đối với mình.

Ấn tượng đầu tiên của tôi khi đọc bài phê bình đầy công kích của Massimo Introvigne [1] đối với cuốn sách mới của Stephen Kent [2], người từng là giáo sư hướng dẫn luận án tiến sĩ của tôi nhiều năm trước là đây chỉ là một ví dụ quen thuộc khác về việc một nhà biện giáo tấn công một học giả hoài nghi.

Mô thức ấy gần như có thể đoán trước:

+ Gạt bỏ các nghiên cứu mang tính chất thách thức bằng cách quy chúng là "giản lược hóa" (reductionist).

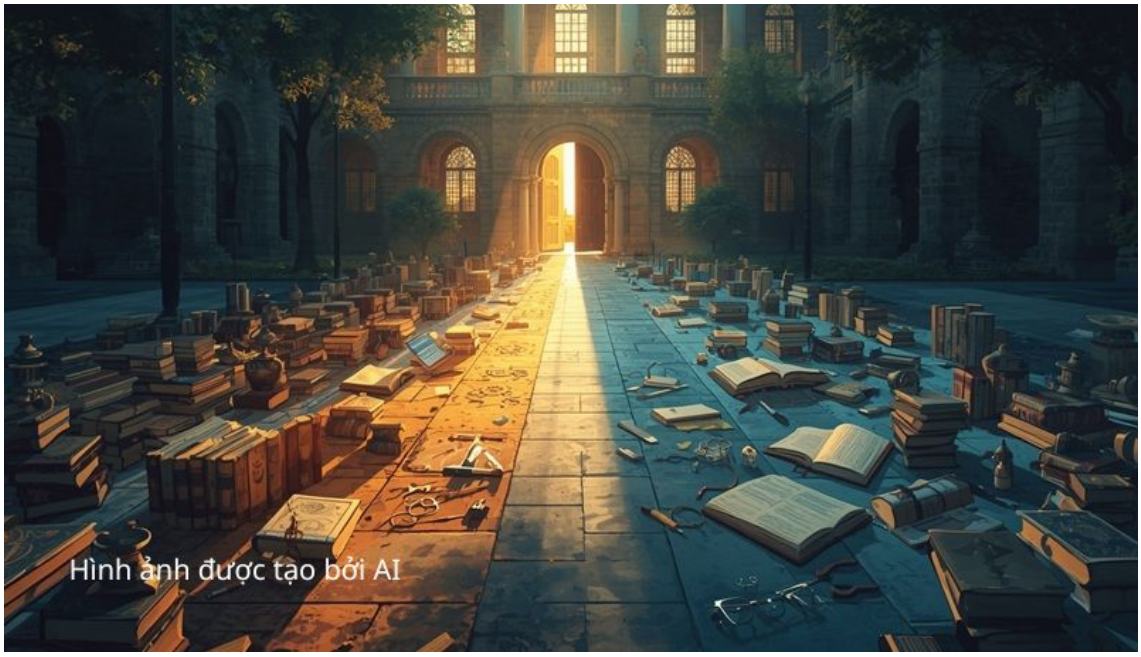
+ Gợi lên hình ảnh về sự đàn áp hay kỳ thị.

+ Bọc những phản đối về phương pháp luận trong ngôn ngữ của sự tinh tế học thuật.

Điều này từng xảy ra nhiều lần với các nhà **nghiên cứu** phê phán Scientology (Giáo hội Khoa Luận).

Khi các học giả công bố những bằng chứng về chiến thuật kiện tụng quyết liệt hoặc các hoạt động tài chính của tổ chức này, những người bênh vực hiếm khi đối thoại trực tiếp với dữ liệu. Thay vào đó, họ cho rằng các cách tiếp cận như vậy quá đơn giản, không thể phản ánh trải nghiệm tâm linh chân thực của tín đồ.

Kết quả là phương pháp nghiên cứu khoa học bị tái định nghĩa thành "thành kiến chống tôn giáo". Cuộc tranh luận không còn xoay quanh sự kiện hay bằng chứng, mà chuyển thành việc bảo vệ quyền được đặt ra những câu hỏi khó chịu ngay từ đầu.




Cuộc tranh luận giữa tự do tôn giáo, nghiên cứu học thuật và quyền phê bình đang trở thành một chủ đề đáng chú ý trong lĩnh vực nghiên cứu tôn giáo đương đại.

Tuy nhiên, cuộc tranh cãi này không chỉ đơn thuần là một bài điểm sách tiêu cực. Quan sát kỹ hơn sẽ cho thấy một thực trạng đáng lo ngại hơn nhiều: **các lập luận biện giáo tôn giáo** đã thâm nhập vào những lĩnh vực học thuật vốn được xem là thế tục và trung lập, từ đó tạo ra một môi trường trí thức nơi hoạt động phản biện ngày càng bị xem như một hình thức kỳ thị.

Sự đảo ngược đầy tính cơ hội ấy biến các công cụ vốn được xây dựng nhằm bảo vệ **công bằng xã hội** thành tấm khiên che chắn cho những hành vi lạm dụng tiềm tàng.

Hãy thử hình dung một giám đốc ngân hàng đương đại, trong bộ vest may đo hoàn hảo, đứng trước hội đồng quản trị và tuyên bố rằng một đấng siêu nhiên vừa mặc khải cho ông những nguyên tắc đầu tư tuyệt đối không thể sai lầm.

Những lời khẳng định ấy, dù được trình bày với tất cả nhiệt huyết và **niềm tin**, có lẽ sẽ không được đón nhận bằng sự tôn kính. Thay vào đó, người ta có thể gọi bộ phận an ninh và kín đáo đề nghị ông gặp chuyên gia sức khỏe tâm thần của công ty.

Nhưng hãy tưởng tượng một thanh niên ở bang New York vào thập niên 1830 đưa ra những tuyên bố gần như tương tự về các phiến vàng thần thánh và một phúc âm được phục hồi.

Người thanh niên đó là Joseph Smith.

Những khẳng định của ông đã trở thành nền tảng cho một trong những tôn giáo toàn cầu lớn nhất hiện nay.

Sự khác biệt này cho thấy một khuynh hướng mạnh mẽ của xã hội: đánh giá các tuyên bố mặc khải thần linh không dựa trên nội dung hay bằng chứng của chúng, mà dựa trên khoảng cách lịch sử và mức độ được xã hội chấp nhận.

[**Ghi chú biên tập:** *Trong Phật giáo, chân lý không được xác lập bởi tuổi đời của một truyền thống hay số lượng người tin theo. Giá trị của một nhận định được xem xét trên cơ sở khả năng đưa đến hiểu biết, đạo đức và sự chuyển hóa khổ đau. Vì vậy, yếu tố lịch sử hay sự phổ biến tự thân không phải là tiêu chuẩn quyết định tính chân thực của một giáo thuyết*].

Thời gian dường như có khả năng "tẩy rửa" những điều kỳ lạ để biến chúng thành điều đáng tôn kính.

Điều bị xem là hoang tưởng nơi một doanh nhân mặc vest giữa trung tâm tài chính London ngày nay lại có thể được gọi là lời tiên tri nếu xuất hiện trong bộ quần áo thô sơ ở vùng nông thôn New York hai thế kỷ trước.

Nói một cách nhẹ nhàng, logic ấy rất khó nắm bắt.

[**Ghi chú biên tập:** *Mặc dù tác giả không đề cập đến Phật giáo, lập luận về việc đánh giá các tuyên bố tôn giáo dựa trên bằng chứng thay vì tuổi đời của truyền thống hay mức độ được xã hội chấp nhận có thể gợi liên hệ tới tinh thần khảo sát được nêu trong Kinh Kalama (Kālāma Sutta). Theo đó, một nhận định không nên được chấp nhận chỉ vì truyền thống lâu đời, uy tín của người nói hay sự tán đồng của số đông, mà cần được xem xét và kiểm nghiệm bằng kinh nghiệm thực chứng*].

Tiêu chuẩn kép về thời gian này không chỉ là một hiện tượng lịch sử thú vị, mà còn định hình cách chúng ta đánh giá các tuyên bố tôn giáo đương đại và những học giả nghiên cứu chúng.

Năm ngoái, khi giáo sư Stephen Kent của Đại học Alberta xuất bản cuốn *Psychobiographies and Godly Visions* (tạm dịch: Tiểu sử tâm lý và những thị kiến thần linh), trong đó ông sử dụng các khung phân tích tâm lý học để lý giải cách những tuyên bố tôn giáo phi thường nảy sinh từ những bộ óc rất đỗi con người, học giả người Ý Massimo Introvigne đã phản ứng bằng cách gọi ông là một "chiến binh chống tôn giáo" và cho rằng ông không hề có lấy "một tia hào hiệp trí thức". [3]

Thay vì tranh luận về phương pháp hay bằng chứng của Kent, Introvigne lại vận dụng chính cuốn "cẩm nang biện giáo" quen thuộc: công kích độ tin cậy của học giả thay vì đối diện với các phát hiện nghiên cứu.

Song cuộc đụng độ học thuật này còn phơi bày một vấn đề rộng lớn hơn: chủ nghĩa biện giáo tôn giáo đã chiếm lĩnh một phần không nhỏ của giới học thuật, tạo ra bầu không khí trong đó những công cụ phân tích vốn được áp dụng bình thường ở mọi lĩnh vực khác như đánh giá tâm lý, minh bạch tài chính hay khảo cứu lịch sử bỗng trở thành điều đáng ngờ khi hướng vào các tuyên bố tôn giáo.

Thoạt nhìn, điều này có vẻ chỉ là cuộc tranh luận nội bộ trong giới nghiên cứu. Nhưng hệ quả thực tế vượt xa phạm vi học thuật.

Khi các tuyên bố về thẩm quyền thần linh dẫn đến việc bỏ bê y tế, bóc lột tài chính hoặc lạm dụng tâm lý trẻ em, cuộc tranh luận không còn mang tính lý thuyết.

Sự miễn cưỡng trong việc áp dụng các phân tích tâm lý không bảo vệ tự do tôn giáo, trái lại, có thể bảo vệ những kẻ lạm dụng bằng cách khiến phương thức hoạt động của họ không bị giám sát và chất vấn.

Trong lịch sử, xung đột chính của ngành nghiên cứu khoa học về tôn giáo xoay quanh phương pháp luận và quyền uy học thuật.

Như Kile Jones chỉ ra, các học giả đầu tiên như Sigmund Freud, Émile Durkheim hay James Frazer đều tin rằng chính lĩnh vực chuyên môn của mình nắm giữ chìa khóa giải thích bản chất của tôn giáo. [4]

Tâm lý học nhấn mạnh đến sự thỏa mãn ước vọng và các động lực vô thức. Xã hội học chú trọng sự gắn kết cộng đồng và các biểu tượng tập thể. Nhân học nghiên cứu nghi lễ và biểu tượng văn hóa.

Vấn đề khi ấy không phải là liệu tôn giáo có thể được giải thích hay không, mà là giải thích bằng cách nào và dưới khung phân tích nào.

Ngày nay, xung đột đã thay đổi về bản chất. Tại nhiều môi trường học thuật, cuộc tranh luận không còn xoay quanh phương pháp thích hợp nhất, mà là liệu các phương pháp khoa học có nên được áp dụng hay không khi kết quả của chúng thách thức hình ảnh mà các cộng đồng tôn giáo muốn duy trì về chính mình. [5]

Các cuộc tranh luận trước đây mặc nhiên thừa nhận rằng phân tích nghiêm ngặt là cần thiết. Các học giả chỉ bất đồng về công cụ phân tích nào hữu ích hơn.

Ngược lại, tranh cãi hiện nay đặt dấu hỏi đối với chính tính chính đáng của hoạt động phân tích ấy, đặc biệt khi kết luận đó khiến các cộng đồng tôn giáo cảm thấy khó chịu hoặc bị đe dọa.

Sự e dè này thường xuất phát từ động cơ đáng trân trọng: mong muốn tôn trọng các tuyên bố tôn giáo, nhất là của những truyền thống thiểu số.

Tuy nhiên, không ít trường hợp, sự tôn trọng ấy đã biến thành việc bảo vệ các tuyên bố tôn giáo bất kể bằng chứng phản bác là gì. [6]

Mô thức vẫn lặp lại: Khi các nhà nghiên cứu phát hiện những bất thường về tài chính trong một tổ chức tôn giáo, các học giả theo xu hướng dung hòa thường lập luận rằng việc tập trung vào tiền bạc đã bỏ qua ý nghĩa tâm linh mà tín đồ nhận được từ các khoản đóng góp.

Khi các nhà tâm lý học phân tích những tuyên bố mang tính phóng đại của một nhà lãnh đạo, phản ứng thường là cho rằng các phạm trù lâm sàng phương Tây không thể hiểu được trải nghiệm tâm linh phi phương Tây.

Mục tiêu đáng quý là sự nhạy cảm văn hóa dần trở thành một chiếc áo bó tư duy, khiến cả những lĩnh vực nghiên cứu rộng lớn bị xem là vùng cấm.

Hệ quả là các dữ liệu bất tiện, đặc biệt là lời kể của những người đã rời bỏ tổ chức dễ dàng bị gạt bỏ.

Thậm chí, trong một số giới nghiên cứu đã hình thành quan niệm rằng những cựu thành viên, hay những người bị gọi bằng từ mang tính miệt thị là "kẻ bội giáo" (apostate), vốn dĩ không phải nguồn thông tin đáng tin cậy.

Nhà xã hội học nổi tiếng Bryan R. Wilson từng tuyên bố trong một bài viết năm 1994, được thực hiện theo yêu cầu của chính Giáo hội Scientology rằng: *"Cả nhà nghiên cứu xã hội học khách quan lẫn tòa án pháp luật đều không thể dễ dàng xem những người bội giáo là nguồn chứng cứ đáng tin cậy".* [7]

Điều này tạo nên một môi trường nghiên cứu gần như bất khả thi. Hãy thử tưởng tượng nếu các nhà tội phạm học bị yêu cầu xem lời khai của nạn nhân cướp giật là không đáng tin.

Hoặc các nhà sử học mặc nhiên bác bỏ toàn bộ lời kể của người tị nạn vì cho rằng họ thiên vị.

Hiệu quả thực tế là biến tổ chức thành đối tượng miễn nhiễm trước phê phán từ chính những người có trải nghiệm trực tiếp nhất về hoạt động của nó.

Nghịch lý ở chỗ, vị học giả tự nhận khách quan ấy lại nhận thù lao từ chính tổ chức mà ông đang giúp vô hiệu hóa các tiếng nói phản biện.

Thông điệp rất rõ ràng: Cựu thành viên phải bị xem là nguồn thông tin không đáng tin ngay từ đầu.

Đó là một phương pháp luận mà nếu áp dụng trong bất kỳ lĩnh vực nào khác cũng sẽ bị xem là tổn hại nghiêm trọng đến tính khách quan khoa học.

Chính cách tiếp cận "tiểu sử tâm lý" (psychobiography) của Stephen Kent đã khiến công trình của ông trở thành mục tiêu công kích.

[**Ghi chú biên tập:** *Phật giáo thừa nhận vai trò trung tâm của tâm thức trong việc hình thành nhận thức và hành vi. Tuy nhiên, việc phân tích các hiện tượng tôn giáo dưới góc độ tâm lý học không đồng nghĩa với việc quy giản toàn bộ kinh nghiệm tôn giáo thành các rối loạn tâm lý. Các hiện tượng tinh thần và xã hội thường vận hành trong những mối tương tác phức hợp nhiều tầng bậc*].

Những người phản đối thường quy kết phương pháp này là sự bệnh lý hóa giản lược.

Tuy nhiên, đó là cách diễn giải sai lệch.

Psychobiography không nhằm gán ghép các chẩn đoán tâm thần hiện đại cho những nhân vật lịch sử.




Phương pháp tiểu sử tâm lý (psychobiography) tìm cách lý giải các nhân vật lịch sử và tôn giáo thông qua sự tương tác giữa yếu tố tâm

lý, xã hội và bối cảnh sống.

Mục tiêu là xây dựng sự hiểu biết sâu sắc hơn về một cuộc đời phức tạp thông qua việc nhận diện các khuôn mẫu nhân cách đã định hình cách cá nhân đó hiểu thế giới, phản ứng cảm xúc và hành động.

Nói cách khác, đây là việc sử dụng khoa học tâm lý như một trong nhiều công cụ phân tích nhằm lý giải cách những tuyên bố phi thường được sinh ra từ những bộ óc rất con người.

Cách tiếp cận này cũng có cơ sở đạo đức rõ ràng. Ủy ban Đạo đức của Hiệp hội Tâm thần Hoa Kỳ (APA) từng khẳng định rằng việc nghiên cứu tiểu sử tâm lý đối với các nhân vật lịch sử không vi phạm các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp. [8]

Điều đó cho phép giới học thuật phân tích các nhân vật lịch sử, đồng thời ngăn chặn việc chẩn đoán công khai đối với những người còn sống.

Nghịch lý là ở chỗ, cùng một môi trường học thuật vốn dễ dàng chấp nhận những nghiên cứu tự thuật (autoethnography) nhằm phân tích ý nghĩa xã hội - chính trị của trải nghiệm cá nhân, lại đột nhiên trở nên vô cùng khắt khe về phương pháp khi phân tích tâm lý được áp dụng cho các nhà sáng lập tôn giáo.

Trái với cáo buộc "giản lược hóa", công trình của Kent sử dụng mô hình sinh học - tâm lý - xã hội (biopsychosocial model) với nhiều tầng phân tích khác nhau.

Đây không phải một lời giải thích đơn tuyến, mà là nỗ lực khám phá sự tương tác phức tạp giữa yếu tố sinh học, tâm lý và xã hội.

Ví dụ tiêu biểu là trường hợp Rajneesh (Bhagwan Shree Rajneesh, sau này được biết đến với tên Osho), vị đạo sư từng xây dựng các cộng đồng tôn giáo ở Ấn Độ và bang Oregon (Hoa Kỳ) trước khi bỏ trốn khỏi Mỹ năm 1985 trong bối cảnh đối mặt với nhiều cáo buộc hình sự.

*Ở cấp độ nội tâm*, phân tích cho thấy một khuynh hướng tự tôn phóng đại: từ tuổi thiếu niên ông đã tuyên bố mình được thần linh lựa chọn và về sau tự nhận là vị cứu tinh của nhân loại.

*Ở cấp độ quan hệ cá nhân*, các nhu cầu tâm lý của ông tạo ra vòng lặp giữa sự sùng kính và sự tàn nhẫn. Những tín đồ được ông nâng lên thành các "chuyên gia trị liệu đặc biệt" rồi lại bị công khai sỉ nhục khi đạt được vị thế độc lập.

*Ở cấp độ nội bộ nhóm*, các cơ chế kiểm soát bao gồm việc buộc tín đồ mặc đồng phục màu đỏ, giám sát điện tử các cuộc trò chuyện riêng tư và tạo ra cảm

giác bị bỏ rơi đầy tổn thương.

Khi cộng đồng Rajneeshpuram sụp đổ và tín đồ mất tất cả, Rajneesh được ghi nhận đã tuyên bố: “Chừng nào tôi chưa bị tổn hại, thì chẳng có gì thực sự bị tổn hại cả”. [9]

Cuối cùng, *ở cấp độ quan hệ với xã hội*, sự hoang tưởng nội bộ đã chuyển hóa thành các hành vi gây hấn bên ngoài:

+ Vụ đầu độc bằng vi khuẩn Salmonella tại các nhà hàng địa phương khiến 751 người phải nhập viện.

+ Các âm mưu ám sát quan chức.

+ Và chiến dịch nghe lén bất hợp pháp lớn nhất trong lịch sử Hoa Kỳ thời điểm đó. [10]

Tất cả cho thấy việc nghiên cứu tâm lý học về các lãnh đạo tôn giáo không phải là hành động kỳ thị đức tin, mà là nỗ lực tìm hiểu cách các yếu tố cá nhân và xã hội có thể góp phần hình thành những hệ thống quyền lực ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống con người.

[**Ghi chú biên tập:** *Trong kinh điển Phật giáo, nhiều dấu hiệu được nêu ra để nhận diện các hình thức tà kiến hoặc sự lệ thuộc vào cá nhân, như đề cao quyền lực tuyệt đối của một người, hạn chế khả năng suy xét độc lập hoặc đặt sự phục tùng lên trên trí tuệ. Tuy nhiên, việc đánh giá một cộng đồng tôn giáo cần dựa trên hành vi và hệ quả thực tế thay vì chỉ dựa trên danh xưng hay tuyên bố niềm tin*].

Người ta có thể kỳ vọng một phản hồi tập trung vào bằng chứng, phương pháp luận và những phản biện mang tính học thuật thực chất.

Nhưng đúng như dự đoán, bài điểm sách của Massimo Introvigne xuất hiện rất nhanh với giọng điệu công kích cá nhân gay gắt. Ông bác bỏ phương pháp của Kent vì cho rằng nó thiếu “sự tinh tế, chiều sâu và thậm chí cả một tia hào hiệp trí thức”, đồng thời gán cho Kent nhãn hiệu “chiến binh chống tôn giáo”. [11]

Đó không phải là phản biện học thuật thực chất. Đó là một cuộc công kích cá nhân. Đó là màn trình diễn của sự phẫn nộ được dàn dựng nhằm đầu độc dư luận ngay từ đầu, khiến công chúng nghi ngờ người nghiên cứu trước khi kịp xem xét bất kỳ bằng chứng nào.

Và cũng chính “cẩm nang” ấy tấn công người đưa tin, phớt lờ dữ liệu luôn xuất hiện mỗi khi sự giám sát nghiêm túc đe dọa xuyên thủng lớp miễn nhiễm mà

các tổ chức tôn giáo đang được hưởng.

## Trường hợp AROPL: Khi những tuyên bố phi lý được khoác áo tự do tôn giáo

Tính chặt chẽ trong phương pháp của Kent trở nên đặc biệt quan trọng khi xem xét những trường hợp đương đại lẽ ra phải khơi dậy sự hoài nghi ngay lập tức.




ôn giáo, tâm lý học và quyền phê bình: Những tranh luận mới trong nghiên cứu tôn giáo đương đại.

Một ví dụ điển hình là tổ chức Ahmadi Religion of Peace and Light (AROPL - Tôn giáo Ahmadi của Hòa bình và Ánh sáng).

Đây là trường hợp nghiên cứu lý tưởng bởi các tuyên bố của tổ chức này cực đoan đến mức đáng ra phải khiến bất kỳ ai cũng đặt câu hỏi. Thế nhưng hãy quan sát cách ngôn ngữ biện giáo đã biến vấn đề ấy thành câu chuyện về "quyền tự do tôn giáo".

Người lãnh đạo nhóm là Abdullah Hashem. Ông tuyên bố mình là: Đấng Mahdi, "Giáo hoàng mới", Người kế vị của cả Muhammad lẫn Chúa Jesus. [12]

Những tuyên bố của Hashem không chỉ dừng lại ở lĩnh vực tâm linh. Ông từng khẳng định một "đại hồng thủy máu" sẽ xảy ra chỉ trong vài giờ nữa. [13]

Ông cũng giảng dạy rằng tại một hành tinh xa xôi tồn tại những con thỏ khổng lồ mặc quần áo, đang nuôi con người như thú cưng.

Khó có thể tìm thấy ví dụ nào hoàn hảo hơn, thậm chí gần như mang tính bi hài về một hệ thống niềm tin đáng để được xem xét nghiêm túc.

Nhưng sự việc trở nên đáng lo ngại hơn nhiều khi các tuyên bố ấy đi kèm với những cáo buộc khai thác và lạm dụng.

Theo các nguồn điều tra, tín đồ được khuyến khích hiến tặng toàn bộ tiền lương của mình, khiến họ phụ thuộc hoàn toàn vào tổ chức để sinh tồn.

Trẻ em bị tách biệt trong một khu phức hợp ở thành phố Crewe (Anh). [14] Chỉ riêng tình tiết này cũng đủ để bất kỳ quan sát viên có trách nhiệm nào phải báo động.

[**Ghi chú biên tập:** *Trong nghiên cứu tôn giáo, các cáo buộc liên quan đến một tổ chức cần được tiếp tục kiểm chứng bằng các nguồn tư liệu độc lập, phán quyết pháp lý hoặc các nghiên cứu chuyên ngành. Việc khảo sát phê phán và nguyên tắc thận trọng trong đánh giá cần được duy trì đồng thời*].

Đáng lo ngại hơn, theo nhà báo điều tra Be Scofield, những người gia nhập mới còn phải cung cấp máu của mình cho một nghi thức tuyên thệ trung thành.

Hashem được cho là giữ số máu này trong một chiếc bình đặt bên trong bản sao của Hòm Giao Ước (Ark of the Covenant). [15]

## “Tẩy xanh giáo phái” và nghệ thuật đánh lạc hướng

Phản ứng từ mạng lưới của Introvigne trước những cáo buộc chi tiết và đáng tin cậy ấy là gì? Tạp chí Bitter Winter do Introvigne điều hành nhanh chóng diễn giải cuộc điều tra của báo The Guardian như một hành động đàn áp xuất phát từ cái gọi là “chủ nghĩa chống giáo phái kiểu New Age”. [16]

Thay vì trả lời các cáo buộc liên quan đến bóc lột tài chính, cô lập trẻ em hay các nghi thức kỳ lạ, bài viết lại tập trung công kích chính nhà báo điều tra Be Scofield.

Lập luận được đưa ra là Scofield từng tham khảo những nguồn như: Thiên thần, Người ngoài hành tinh, Bài Tarot, Hồ sơ Akashic. [17]

Đây là một chiến thuật bôi nhọ kinh điển. Không cần trả lời nội dung. Chỉ cần biến người đưa tin thành kẻ lập dị thiếu tin cậy.

Mô thức này chính là điều mà nhà nghiên cứu Luigi Corvaglia gọi là “cult greenwashing” - tạm dịch là “tẩy xanh giáo phái”. [18]

Nếu như các doanh nghiệp sử dụng ngôn ngữ môi trường để che đậy những hoạt động gây hại, thì các tổ chức giáo phái và những người bênh vực họ lại sử dụng ngôn ngữ nhân quyền và tự do tôn giáo để làm lu mờ các cáo buộc lạm dụng. Chiến thuật này hoạt động như một môn võ tư tưởng.

Khi một nhà báo nêu vấn đề về quyền lợi trẻ em, người biện giáo lập tức đảo ngược tình thế bằng cách tuyên bố rằng sự giám sát ấy đang xâm phạm quyền tự do tôn giáo của một nhóm thiểu số.

Kết quả là vấn đề ban đầu bị đẩy ra khỏi cuộc thảo luận. Người bảo vệ nhóm bị cáo buộc lại xuất hiện như một người hùng bảo vệ kẻ yếu.

## Chiến dịch hợp thức hóa trên phạm vi quốc tế

Sự ủng hộ của Introvigne dành cho AROPL không phải hành động đơn lẻ. Đó là quá trình hợp thức hóa kéo dài và mang tính quốc tế.

Tháng 06/2024, ông tham gia một hội thảo tại Bắc Macedonia dành riêng cho AROPL.

Tháng 04/2025, ông cùng xuất hiện trên diễn đàn học thuật với một lãnh đạo của AROPL tại Đại học Exeter.

Đến tháng 05/2025, tại Hội chợ Sách Quốc tế Turin, một ủy ban có sự tham gia của Introvigne đã trao giải thưởng văn học cho kinh sách của AROPL mang tên *The Goal of the Wise* (tạm dịch: Mục tiêu của người khôn ngoan). [19]

Theo tác giả bài viết, những hoạt động này tạo thành nỗ lực có hệ thống nhằm tái định vị một tổ chức đang đối mặt với các cáo buộc khai thác tín đồ thành một cộng đồng tôn giáo thiểu số bị bức hại.

Chiến dịch ấy đạt đến đỉnh điểm vào tháng 08/2025. Khi đó, Introvigne trực tiếp tham dự hội nghị mang tên *The Supremacy of God Conference* (tạm dịch: Hội nghị về Quyền tối cao của Thượng đế) được tổ chức tại khuôn viên Đại học Buckingham ở Crewe, chính nơi đặt cơ sở hoạt động của Abdullah Hashem.

Bài đăng của ông trên mạng xã hội mang tiêu đề đầy ẩn ý: *“Những gương mặt quen thuộc lại tụ họp…”.*

Danh sách khách mời, trong đó có các học giả nổi tiếng Susan Palmer và Gordon Melton, phản ánh một bộ phận giới nghiên cứu tôn giáo vốn được xem là có xu hướng dung hòa với các nhóm tôn giáo gây tranh cãi.

Theo thông tin quảng bá từ AROPL, sự kiện thu hút hơn 100 người tham dự, bao gồm: Thành viên quốc tế, Phóng viên BBC và ITV, Thị trưởng thành phố Crewe và các thành viên hội đồng địa phương. [20]

Những bài đăng của chính Introvigne cho thấy mức độ hợp thức hóa mà sự kiện này mang lại. Ông giới thiệu các bài thuyết trình về "giáo lý" và "tính bao dung" của AROPL, ca ngợi khả năng thu hút các nghệ sĩ rap chuyên nghiệp và mô tả những người chỉ trích tổ chức như đại diện của "phong trào chống giáo phái toàn cầu". [21]

Theo tác giả, đây chính là thành công của chiến lược biện giáo: Biến một nhóm đang đối mặt với những cáo buộc nghiêm trọng thành đối tác hợp pháp của giới học thuật, thậm chí nhận được sự hiện diện và công nhận của giới chính trị địa phương.

## Khi học thuật từ bỏ tiêu chuẩn của chính mình

Nếu đặt câu chuyện này trong bất kỳ ngành học nào khác, sự phi lý sẽ hiện ra rất rõ.

Hãy tưởng tượng các nhà tội phạm học tổ chức hội nghị tại trường đại học để hợp thức hóa một gia tộc mafia đang bị điều tra về tội cưỡng đoạt.

Hoặc các nhà khoa học chính trị trao giải thưởng cho tác phẩm của một nhà độc tài rồi ca ngợi ông ta là nạn nhân của sự đàn áp.

Trong bất kỳ lĩnh vực nào khác, đó sẽ là bê bối học thuật nghiêm trọng. Thế nhưng trong một số bộ phận của ngành nghiên cứu tôn giáo, những hành động tương tự lại được ca ngợi như biểu hiện của việc bảo vệ tự do tôn giáo.

Làm thế nào chúng ta đi đến tình trạng này? Theo tác giả, câu trả lời nằm ở những chiến thuật tu từ tinh vi mà giới biện giáo đã hoàn thiện qua nhiều năm. Một trong số đó là kỹ thuật "đầu độc nguồn nước" (poisoning the well).

Đây là kiểu lập luận nhằm phá hủy uy tín đối phương ngay từ đầu để công chúng không còn quan tâm đến những gì họ nói nữa. [22]

Khi Kent bị gán là "chiến binh chống tôn giáo", hoặc các nhà báo điều tra bị mô tả như những nhà thần bí thiếu tin cậy, mọi phát biểu của họ đều có thể bị bác bỏ mà không cần xem xét bằng chứng.

Bản thân Kent cho biết ông từng bị thành viên của một tổ chức theo dõi tại ít nhất hai quốc gia khác nhau.

Một tổ chức khác còn phát hành tạp chí nhằm gán ghép ông với những người phủ nhận Holocaust chỉ vì ông viết phê phán nhà sáng lập của họ. [23]

## Người rơm và sự bóp méo nghiên cứu khoa học

Một chiến thuật liên quan là sử dụng "ngụy biện người rơm" (straw man argument).

Sau khi làm mất uy tín cá nhân của người chỉ trích, những người biện giáo tiếp tục bóp méo lập luận của họ.

Ví dụ phổ biến nhất là viện dẫn hình tượng trong tiểu thuyết *The Manchurian Candidate* (tạm dịch: Ứng cử viên Mãn Châu) năm 1959, câu chuyện về một sát thủ bị tẩy não để chế giễu toàn bộ các nghiên cứu về thao túng tâm lý sau đó được chuyển thể thành phim hai lần vào năm 1962 và 2004.

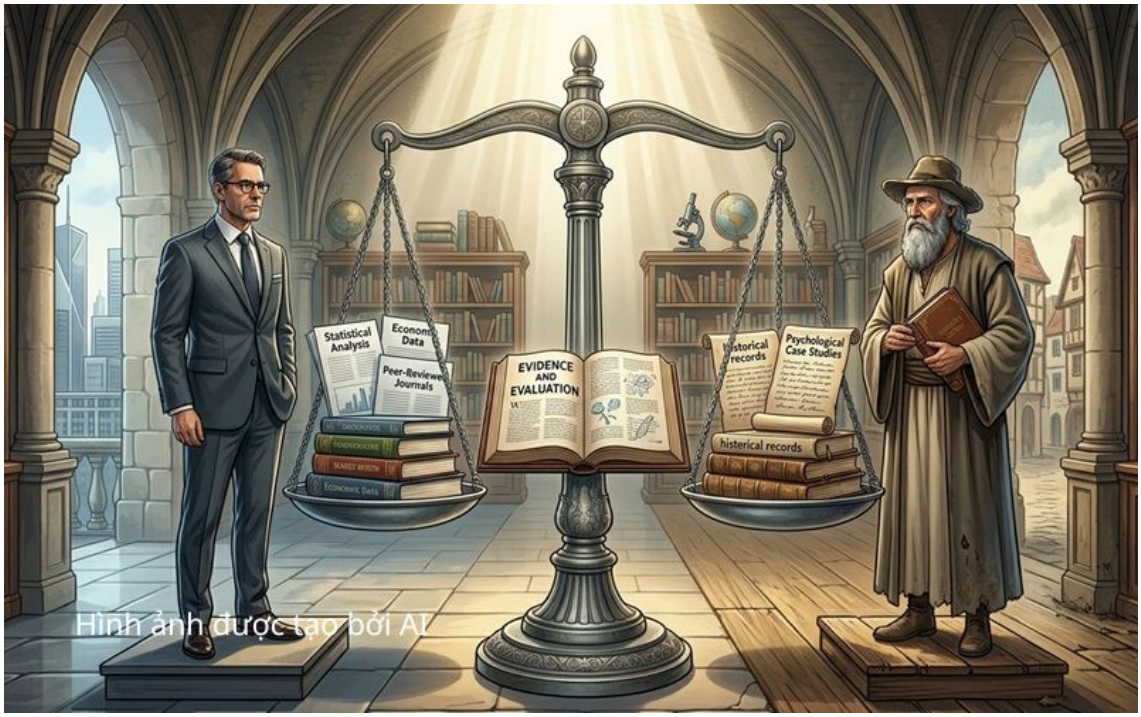
Đây là một cách đánh tráo khái niệm. Các nhà nghiên cứu không hề nói về khả năng kiểm soát tâm trí như trong truyện hư cấu. [24]

Điều họ nghiên cứu là những cơ chế xã hội đã được ghi nhận rõ ràng: Kiểm soát thông tin, Thao túng cảm giác tội lỗi, Cô lập khỏi các mối quan hệ bên ngoài, Các hình thức gây ảnh hưởng xã hội khác. [25]

Nhưng bằng cách liên tục gắn những nghiên cứu này với hình ảnh "tẩy não" phi thực tế, người biện giáo có thể làm mất uy tín của cả một lĩnh vực nghiên cứu mà không cần đối diện với nội dung thực sự của nó.

## Cuộc tranh luận lớn hơn cả học thuật

Xung đột giữa cách tiếp cận của Stephen Kent và lập luận của Massimo Introvigne không chỉ là một cuộc bất hòa cá nhân. Đó là sự đối đầu giữa hai quan niệm về học thuật.




Nghiên cứu tôn giáo hiện đại đặt ra câu hỏi về việc liệu các tuyên bố tôn giáo có nên được khảo sát bằng cùng những tiêu chuẩn phân tích áp dụng cho các hiện tượng xã hội khác hay không.

Một bên cho rằng các tiêu chuẩn phân tích phải được áp dụng nhất quán đối với mọi lĩnh vực của đời sống con người.

Bên còn lại muốn tạo ra một vùng miễn trừ dành riêng cho tôn giáo, nơi các tuyên bố và thiết chế tôn giáo được bảo vệ khỏi sự khảo sát phê phán ngay cả khi xuất hiện những mối quan ngại đáng tin cậy.

[**Ghi chú biên tập:** *Tinh thần khảo sát và phản biện là cần thiết trong nghiên cứu học thuật. Tuy nhiên, từ quan điểm duyên khởi, các hiện tượng tôn giáo thường không thể được giải thích chỉ bằng một nguyên nhân đơn lẻ. Việc vận dụng tâm lý học, xã hội học hay lịch sử học có thể làm sáng tỏ nhiều khía cạnh của đời sống tôn giáo, song không nhất thiết loại trừ những chiều kích văn hóa, đạo đức và tâm linh mà con người trải nghiệm*].

Theo tác giả, chính xu hướng dung hòa này, dù được thúc đẩy bởi những ý định tốt đẹp đã biến một bộ phận của giới học thuật thành nơi trú ẩn an toàn cho hoạt động biện giáo, nơi việc bảo vệ đức tin đôi khi được đặt lên trước việc tìm kiếm sự thật.

Trở lại với hình ảnh người chủ ngân hàng và nhà tiên tri ở phần mở đầu, vấn đề cốt lõi thực chất là tính nhất quán trong tư duy.

Nếu chúng ta sẵn sàng xem xét các lời tuyên bố phi thường của một chủ ngân hàng dưới góc độ tâm lý học hoặc thần kinh học, thì cũng phải sẵn sàng áp

dụng cùng tiêu chuẩn đó đối với các tuyên bố của một nhà tiên tri.

Làm khác đi đồng nghĩa với việc từ bỏ những nguyên tắc nền tảng của nghiên cứu khoa học và chấp nhận một tiêu chuẩn kép.

Theo Jonathan Simmons, cuốn sách của Stephen Kent không phải là cuộc tấn công vào tôn giáo.

Đó là lời kêu gọi hãy thực hiện công việc học thuật một cách trung thực, nhất quán và không thiên vị.

Tác giả: **Jonathan Simmons/**Chuyển ngữ và biên tập: **Thường Nguyên**

Nguồn: https://secularhumanism.org/2026/03/the-prophet-and-the-pathologist-stephen-kent-massimo-introvigne-and-the-battle-for-an-honest-study-of-religion/

**Về tác giả**

Jonathan Simmons (PhD) là học giả độc lập và chuyên gia trong lĩnh vực giáo dục đại học. Các nghiên cứu của ông tập trung vào hiện tượng phi tôn giáo (nonreligion) và các phong trào xã hội tại Bắc Mỹ.

Luận án tiến sĩ của ông khảo sát bản sắc đạo đức và hoạt động xã hội trong các cộng đồng vô thần tại Canada. Hiện nay, ông nghiên cứu những biến đổi tôn giáo trong cộng đồng bản địa và các hình thức phi tôn giáo đương đại.

Các công trình của Jonathan Simmons đã được công bố trên nhiều tạp chí chuyên ngành như *Secular Studies*, *Religion and Gender* và *Social Movement Studies*, với các chủ đề trải rộng từ hoạt động nữ quyền vô thần đến mối liên hệ giữa hiện tượng phi tôn giáo và các phong trào công bằng xã hội.

**Ghi chú của Biên tập viên Tạp chí Nghiên cứu Phật học:**

Bài viết thể hiện quan điểm riêng của tác giả Jonathan Simmons. Nội dung phản ánh một cuộc tranh luận học thuật đang diễn ra trong lĩnh vực nghiên cứu tôn giáo, đặc biệt liên quan đến việc áp dụng các phương pháp tâm lý học, xã hội học và các ngành khoa học nhân văn trong phân tích hiện tượng tôn giáo.

Việc đăng tải bài viết không đồng nghĩa với việc Tạp chí Nghiên cứu Phật học tán thành hoặc phủ nhận toàn bộ các nhận định, đánh giá hay kết luận được

nêu trong bài.

Từ góc độ tham khảo của người biên tập, có thể ghi nhận một số điểm trao đổi dưới ánh sáng tư tưởng Phật giáo:

**Thứ nhất**, Phật giáo không khuyến khích niềm tin mù quáng dựa trên uy quyền cá nhân. Tinh thần Kinh Kalama (Kālāma Sutta) cho thấy mọi nhận định đều có thể được khảo sát, kiểm chứng và đối chiếu bằng kinh nghiệm thực chứng, thay vì chỉ chấp nhận vì truyền thống, thẩm quyền hay niềm tin tập thể.

**Thứ hai**, việc nghiên cứu các hiện tượng tôn giáo dưới góc độ tâm lý học không nhất thiết đồng nghĩa với thái độ chống tôn giáo. Trong giáo lý Phật giáo, tâm thức giữ vai trò trung tâm đối với nhận thức, cảm xúc và hành vi của con người; do đó, việc khảo sát các yếu tố tâm lý trong đời sống tôn giáo là một hướng tiếp cận có thể tham khảo trong nghiên cứu học thuật.

**Thứ ba**, cần tránh rơi vào chủ nghĩa giản lược (reductionism). Các hiện tượng tôn giáo khó có thể được giải thích chỉ bằng bệnh lý tâm thần hoặc động cơ quyền lực. Từ quan điểm duyên khởi của Phật giáo, mọi hiện tượng đều hình thành và vận hành trong mối tương tác phức hợp của nhiều yếu tố tâm lý, xã hội, văn hóa, lịch sử, đạo đức và tâm linh.

**Thứ tư**, tinh thần đối thoại học thuật đòi hỏi sự tôn trọng cả quyền chất vấn lẫn quyền trình bày. Việc khảo sát phê bình các hiện tượng tôn giáo cần được thực hiện trên cơ sở bằng chứng, phương pháp luận và thái độ khách quan, đồng thời tránh các khuynh hướng cực đoan, dù là thần thánh hóa hay phủ định hóa một cách giản đơn đối với đời sống tôn giáo.

**Chú thích:**

[1] Massimo Introvigne, “Stephen Kent Unmasks Himself: From Anti-Cult Scholar to Anti-Religion Crusader” (tạm dịch: *Stephen Kent lộ rõ bản chất: Từ học giả nghiên cứu chống giáo phái đến chiến binh chống tôn giáo*), *Bitter Winter*, ngày 15/08/2025.

[2] Stephen A. Kent, *Psychobiographies and Godly Visions: Disordered Minds and the Origins of Religiosity* (tạm dịch: *Tiểu sử tâm lý và những thị kiến thần linh: Những tâm trí rối loạn và nguồn gốc của tính tôn giáo*), Cham (Thụy Sĩ): Palgrave Macmillan, 2025.

[3] Massimo Introvigne, bài đã dẫn.

[4] Kile Jones, “Scientific Understanding in Theories of Religion: Which Science Ought We Emphasize?” (tạm dịch: *Hiểu biết khoa học trong các lý thuyết tôn giáo: Chúng ta nên nhấn mạnh ngành khoa học nào?*), *Free Inquiry*, tập 45, số 3 (tháng 04-05/2025).

[5] Rodney Stark và Roger Finke, *Acts of Faith: Explaining the Human Side of Religion* (tạm dịch: *Những hành động của đức tin: Giải thích khía cạnh con người của tôn giáo*), Berkeley, California: University of California Press, 2000.

[6] Russell T. McCutcheon, *Manufacturing Religion: The Discourse on Sui Generis Religion and the Politics of Nostalgia* (tạm dịch: *Kiến tạo tôn giáo: Diễn ngôn về tôn giáo như một thực thể tự thân và chính trị của hoài niệm*), New York: Oxford University Press, 1997.

[7] Bryan R. Wilson, “Apostates and New Religious Movements” (tạm dịch: *Những người từ bỏ đức tin và các phong trào tôn giáo mới*), *Scientology Religion* , ngày 03/12/1994.

[8] American Psychiatric Association Ethics Committee, *The Principles of Medical Ethics with Annotations Especially Applicable to Psychiatry* (tạm dịch: *Các nguyên tắc đạo đức y khoa cùng chú giải áp dụng đặc biệt cho ngành tâm thần học*), Arlington, Virginia: American Psychiatric Association, 2017.

[9] Stephen A. Kent, *Psychobiographies and Godly Visions: Disordered Minds and the Origins of Religiosity*, sđd., tr. 17.

[10] Stephen A. Kent, *Psychobiographies and Godly Visions: Disordered Minds and the Origins of Religiosity*, sđd., tr. 12-21.

[11] Massimo Introvigne, bài đã dẫn.

[12] Rachel Gessat, “‘Dad, Imam, God’: Children Living with Self-Declared Pope in Former UK Orphanage” (tạm dịch: *‘Cha, Imam, Thượng đế’: Những đứa trẻ sống cùng một người tự xưng là Giáo hoàng trong khu nhà trẻ mồ côi cũ ở Anh*), *The Guardian*, ngày 12/06/2025.

[13] Be Scofield, “Meet the Doomsday Cult Taking Over the World” (tạm dịch: *Gặp gỡ giáo phái tận thế đang tìm cách chiếm lĩnh thế giới*), *GuruMag*, ngày 21/04/2025.

[14] Mattha Busby, “In England, Parents Are Moving Their Children Into a Doomsday Cult With a Man Calling Himself ‘the New Pope’” (tạm dịch: *Tại Anh, các bậc cha mẹ đang đưa con mình vào một giáo phái tận thế với người đàn*

*ông tự xưng là 'Giáo hoàng mới'*), *VICE News*, ngày 02/07/2025.

[15] Mattha Busby, bài đã dẫn.

[16] Rosita Šorytė, "AROPL and the Rise of New Age Anti-Cultism" (tạm dịch: *AROPL và sự trỗi dậy của chủ nghĩa chống giáo phái kiểu New Age*), *Bitter Winter*, ngày 20/06/2025.

[17] Rosita Šorytė, bài đã dẫn.

[18] Luigi Corvaglia, "Greenwashing Cults: How Cult Apologists Poison the Wells" (tạm dịch: *Tẩy xanh các giáo phái: Những người biện hộ cho giáo phái đầu độc dư luận như thế nào*), *SSRN Electronic Journal*, ngày 12/01/2023.

[19] Massimo Introvigne, "Castellion v. Calvin: Freedom vs. Theocracy, from Geneva to Iran and the Case of the Ahmadi Religion of Peace and Light" (tạm dịch: *Castellion đối đầu Calvin: Tự do và thần quyền, từ Geneva đến Iran và trường hợp của Ahmadi Religion of Peace and Light*), *Bitter Winter*, ngày 21/05/2025.

[20] Ahmadi Religion of Peace and Light, "Today was the Opening Day of Our Two Day Event Titled 'The Supremacy of God Conference'" (tạm dịch: *Hôm nay là ngày khai mạc hội nghị kéo dài hai ngày mang tên 'Quyền tối thượng của Thượng đế'*), đăng trên nền tảng X, ngày 20/08/2025.

[21] Massimo Introvigne, "The Ahmadi Religion of Peace and Light..." và "Second Day of the Conference on the Ahmadi Religion of Peace and Light...", các bài đăng trên Facebook ngày 20-21/08/2025.

[22] Luigi Corvaglia, bài đã dẫn.

[23] Stephen A. Kent, *Psychobiographies and Godly Visions: Disordered Minds and the Origins of Religiosity*, sđd., tr. 251.

[24] Luigi Corvaglia, bài đã dẫn.

[25] Steven Hassan, *Freedom of Mind: Helping Loved Ones Leave Controlling People, Cults, and Beliefs* (tạm dịch: *Tự do tư duy: Giúp người thân rời bỏ những cá nhân, giáo phái và hệ thống niềm tin mang tính kiểm soát*), Newton, Massachusetts: Freedom of Mind Resource Center, 2013.